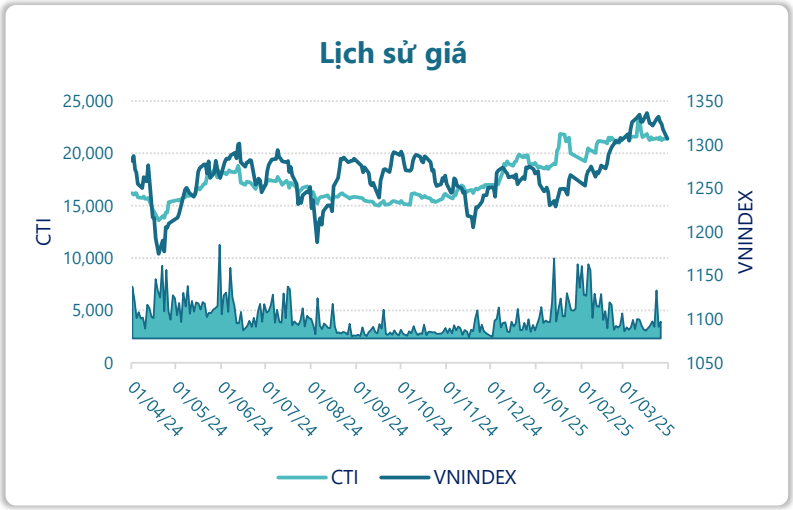
FireAnt

CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO (HSX: CTI)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**21,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	23,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,600
SL cổ phiếu LH	54,799,997
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,169,150
% sở hữu nước ngoài	1.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,173
P/E	10.0
EPS	2,136

DT thuần

Q1/25

282

tỷ VNĐ

QoQ: ▼49.0| -14.7%

YoY: ▲ 25.0| 9.9%

LN sau thuế

Q1/25

42.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 16.4| 62.6%

YoY: ▲ 10.8| 34.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

28.2%

+/- YoY: ▼ 10.4%

DT thuần

2024

1,112

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 298| 36.5%

LN sau thuế

2024

116

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 36.0| 45.1%

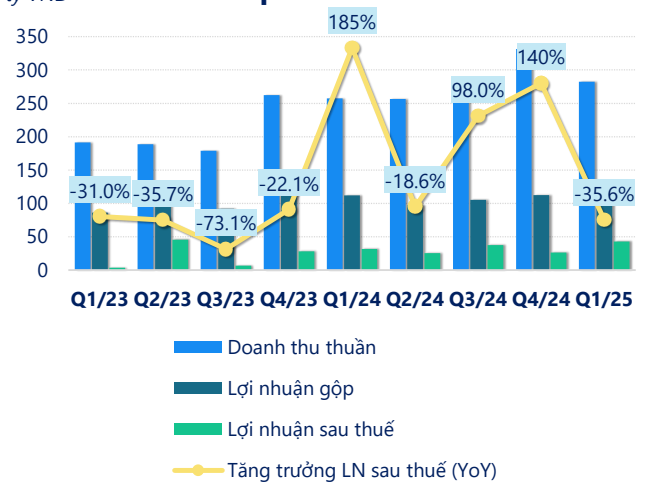
ROE

2024

6.8%

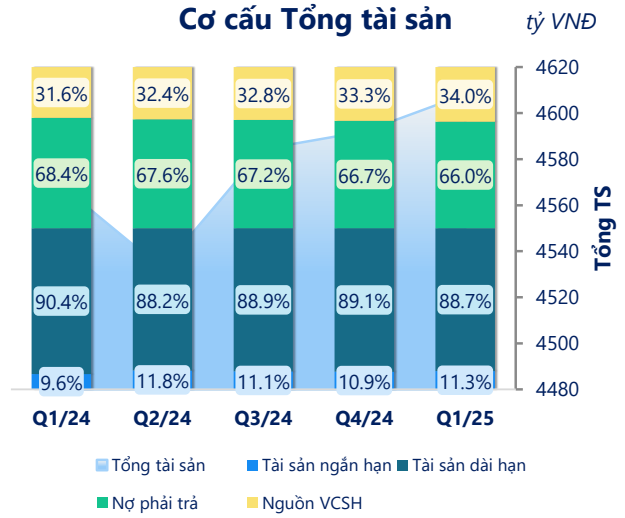
+/- YoY: ▲ 1.2%

Kết quả kinh doanh



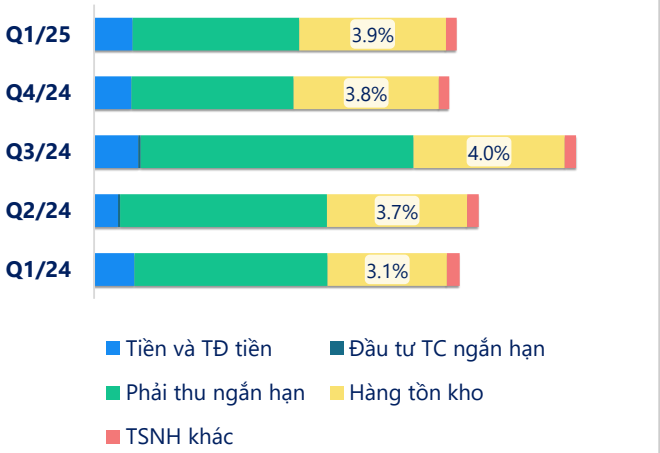
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



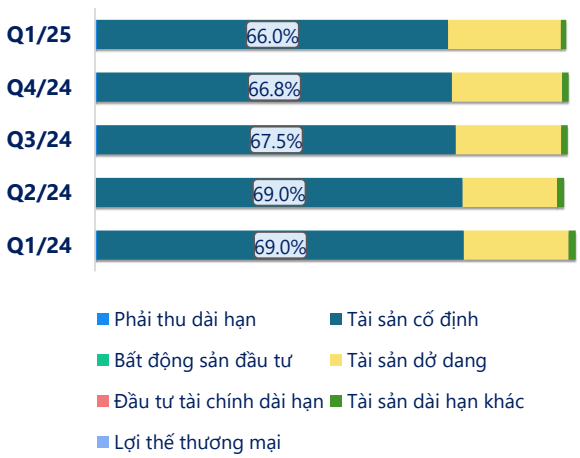
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



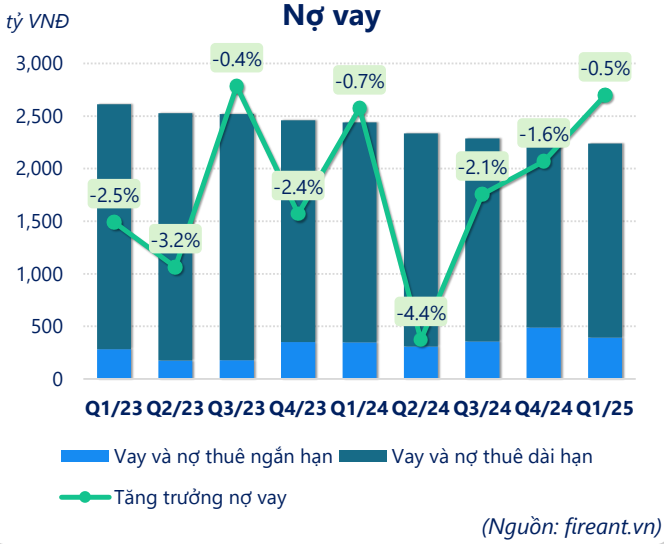
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



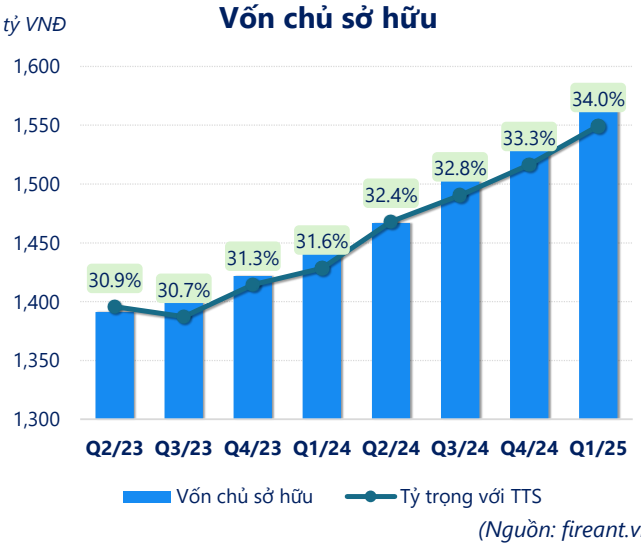
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



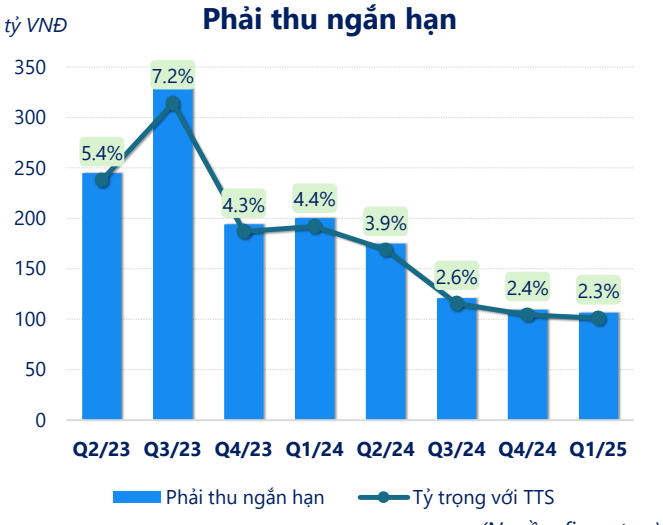
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



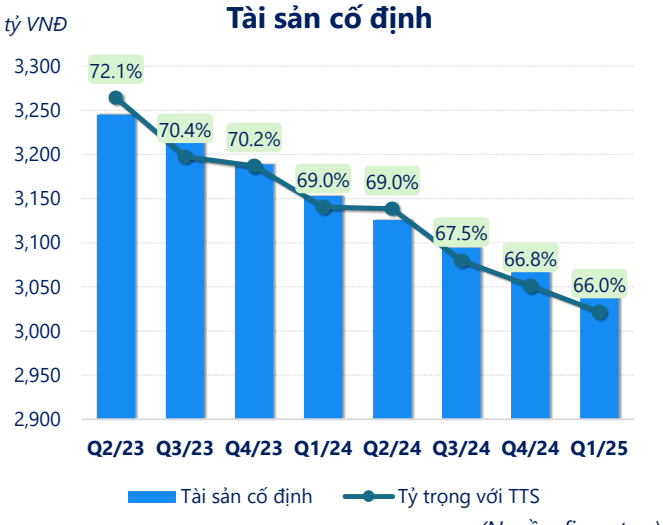
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



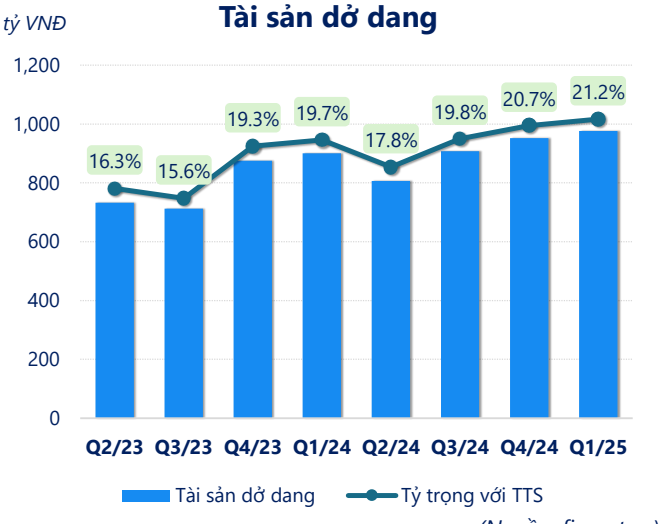
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



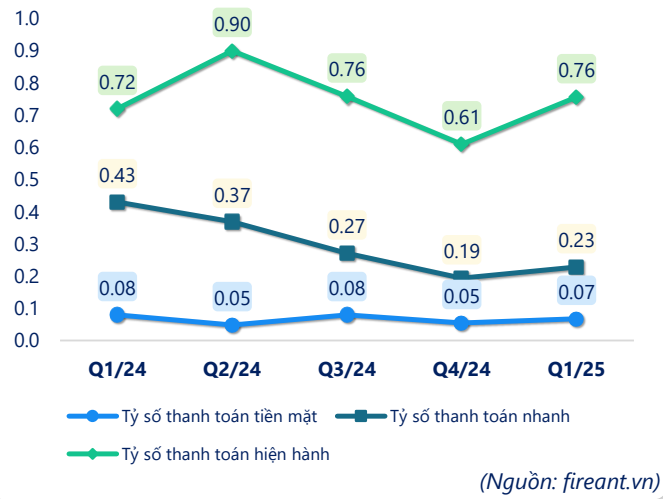
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



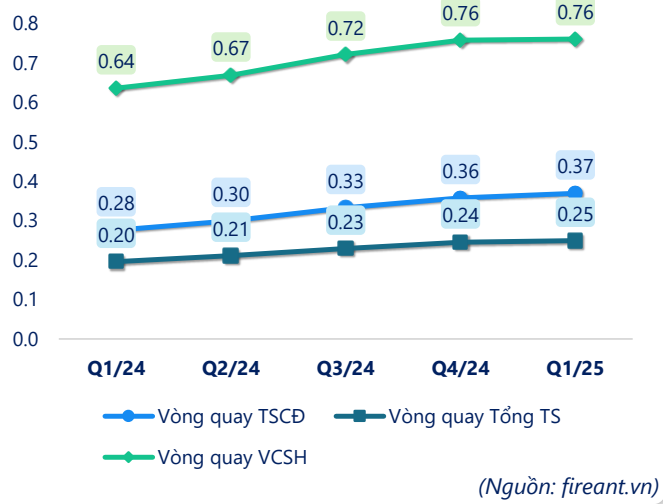
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**4,569**	**4,532**	**4,584**	**4,592**	**4,608**
Tài sản ngắn hạn	**438**	**533**	**508**	**503**	**523**
Tiền và tương đương tiền	48.4	28.5	53.2	45.1	46.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	7.22	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	200	175	121	109	106
Hàng tồn kho	176	314	327	343	365
Tài sản ngắn hạn khác	13.0	7.85	7.33	5.07	4.39
Tài sản dài hạn	**4,130**	**3,999**	**4,076**	**4,089**	**4,085**
Phải thu dài hạn	16.6	7.88	16.5	16.5	17.3
Tài sản cố định	3,153	3,126	3,094	3,067	3,043
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	900	806	908	952	976
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	60.8	60.0	57.6	54.7	48.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,126**	**3,066**	**3,080**	**3,062**	**3,042**
Nợ ngắn hạn	**609**	**592**	**670**	**825**	**692**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	347	309	356	490	394
Phải trả người bán ngắn hạn	121	123	138	153	119
Nợ dài hạn	2,518	2,473	2,410	2,237	2,350
Vay và nợ thuê dài hạn	2,094	2,025	1,929	1,760	1,845
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,442**	**1,467**	**1,504**	**1,530**	**1,566**
Vốn chủ sở hữu	**1,442**	**1,467**	**1,504**	**1,530**	**1,566**
Vốn điều lệ	630	630	630	630	630
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)